

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Bắc Quang, ngày

tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã Bắc Quang năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 29/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về Kế hoạch Phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 27/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bắc Quang về Kế hoạch thực hiện các Chương trình Nông - Lâm nghiệp trọng tâm năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Bắc Quang xây dựng Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn xã năm 2026 với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy lợi thế của địa phương để phát triển một số loại vật nuôi chủ lực và đặc hữu (*trâu, lợn, cá bống, dê, cá chép ruộng, gà ri,...*) đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài xã, tiến tới góp phần cho xuất khẩu. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi, tăng sức cạnh tranh sản phẩm và tiếp cận thị trường, đảm bảo an sinh xã hội, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Duy trì ổn định đàn trâu trên 1.646 con; đàn bò 117 con, đàn lợn trên 10.445 con, đàn gia cầm trên 236.056 con, đàn dê trên 2.285 con. Năm 2026, sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 194.000 tấn, tăng 6,0% (trong đó: thịt lợn chiếm 65-70%, thịt gia cầm chiếm 20-25%, thịt gia súc ăn cỏ chiếm 10%);

Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy tiềm năng nâng cao năng suất, hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

1.1. Nhiệm vụ về phát triển đàn vật nuôi: Tiếp tục duy trì và phát triển đàn trâu theo hướng liên kết sản xuất; phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn tập trung

đối với đàn lợn lai; phát triển sản xuất theo hướng chăn nuôi trang trại đối với đàn gia cầm, đàn dê và các mô hình sản xuất giống cá bông, cá chép ruộng; mô hình nuôi cá chép trên ruộng nhằm xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

1.2. Nhiệm vụ về cải tạo giống vật nuôi: Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống vật nuôi; khuyến khích cải tạo, nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn vật nuôi bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; tập trung phát triển các giống vật nuôi chủ lực (trâu, bò, lợn) theo hướng hàng hóa.

1.3. Nhiệm vụ về chăn nuôi theo hướng trang trại, an toàn sinh học:

Khuyến khích sử dụng công nghệ chuồng trại hiện đại, hệ thống cho ăn tự động, kiểm soát môi trường chăn nuôi. Phát triển các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học với hệ thống chuồng trại khép kín, cách ly với môi trường bên ngoài (*chăn nuôi không tiếp xúc*), sử dụng công nghệ biogas, đệm lót sinh học, men vi sinh để xử lý chất thải, giảm ô nhiễm môi trường, đảm bảo sản phẩm sạch, hướng tới sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, hiệu quả kinh tế bền vững.

1.4. Nhiệm vụ về xây dựng thương hiệu quảng bá sản phẩm: Lựa chọn các sản phẩm chăn nuôi đặc sản, sản phẩm chủ lực có lợi thế của tỉnh để chứng nhận sản phẩm OCOP, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, sàn thương mại điện tử, tham gia các hội chợ, triển lãm, sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh để giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

1.5. Nhiệm vụ về phát triển nguồn thức ăn chăn nuôi: Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản (*rơm rạ, thân ngô, bã sắn, bã bia...*) làm thức ăn cho vật nuôi; áp dụng các biện pháp ủ chua, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao giá trị sử dụng. Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển vùng trồng cỏ, cây thức ăn chăn nuôi, cây nguyên liệu làm thức ăn tinh; gắn phát triển vùng nguyên liệu với định hướng phát triển chăn nuôi đại gia súc, giống vật nuôi đặc sản và lợi thế từng vùng. Khuyến khích trồng các giống cỏ, cây thức ăn chăn nuôi có năng suất, chất lượng cao; tận dụng diện tích đất bãi, đất đồi, đất sau thu hoạch để trồng cỏ, ngô sinh khối, cây họ đậu làm thức ăn cho gia súc, giảm phụ thuộc vào thức ăn công nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi với người chăn nuôi, hợp tác xã, trang trại chăn nuôi nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định, giá cả hợp lý.

1.6. Nhiệm vụ về công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai:

Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin định kỳ, tiêm phòng bổ sung cho đàn vật nuôi; hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm động vật. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi để phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời nguy cơ bùng

phát dịch. Tăng cường theo dõi, dự báo diễn biến thời tiết, kịp thời thông tin, cảnh báo cho người dân. Chủ động các biện pháp phòng, chống rét, nắng nóng, hạn hán, mưa lũ cho đàn vật nuôi, gia cố chuồng trại, rà soát các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét để chủ động di dời vật nuôi khi cần thiết.

1.7. Nhiệm vụ về định hướng xây dựng vùng chăn nuôi: Quy hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp với điều chỉnh quy hoạch; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng các vùng chăn nuôi xa khu dân cư, bảo đảm khoảng cách an toàn dịch bệnh và môi trường, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo quy trình VietGAP; phát triển các vùng chăn nuôi gia súc lớn (trâu, bò) tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về đồng cỏ, đất đai và nguồn thức ăn; hình thành vùng chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp tại những thôn có hạ tầng phù hợp; bảo tồn và phát triển giống vật nuôi đặc sản, bản địa gắn với xây dựng thương hiệu và sản phẩm OCOP.

2. Giải pháp thực hiện

- Duy trì và phát triển ổn định đàn trâu, trong đó tập trung nhân rộng các mô hình chăn nuôi liên kết (nuôi trâu thịt vỗ béo, nuôi trâu sinh sản); tiếp tục phát triển đàn lợn ngoại, lợn lai theo hướng chăn nuôi trang trại, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh, nhân rộng các mô hình chăn nuôi không tiếp xúc; phát triển đàn gia cầm, đàn dê theo hướng chăn nuôi trang trại.

- Hỗ trợ mua trâu, bò, lợn, dê đực giống, gia cầm giống từ các chương trình, dự án, nhằm nâng cao tầm vóc và chất lượng giống vật nuôi hiện có.

- Phát triển giống dê địa phương, áp dụng cách nuôi nhốt hoặc bán chăn thả, trồng cỏ, chăn nuôi theo hướng tập trung hình thành các trang trại quy mô vừa và nhỏ.

2.1 Giải pháp về chăn nuôi theo hướng trang trại, an toàn sinh học

- Khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại đầu tư đổi mới công nghệ nhất là trí tuệ nhân tạo AI, đầu tư chuồng trại hiện đại, hệ thống cho ăn tự động, kiểm soát môi trường chăn nuôi, công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Phát triển các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học với hệ thống chuồng trại khép kín, cách ly với môi trường bên ngoài (chăn nuôi không tiếp xúc), sử dụng công nghệ biogas, đệm lót sinh học, men vi sinh để xử lý chất thải, tăng cường thu gom chất thải rắn để làm phân bón hữu cơ, tiến tới xây dựng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, nâng cao hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích nâng cấp, cải tạo hệ thống chuồng trại chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp, an toàn sinh học, phù hợp với điều kiện vùng cao và tập quán

chăn nuôi của đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời đảm bảo yêu cầu về kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu chăn nuôi hàng hóa.

2.2. Giải pháp về phát triển nguồn thức ăn chăn nuôi

- Tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp để chế biến nông sản (rơm rạ, thân ngô, bã sắn, bã bia...) làm thức ăn cho vật nuôi; áp dụng các biện pháp ủ chua, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao giá trị sử dụng.

- Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển vùng trồng cỏ, cây thức ăn chăn nuôi, cây nguyên liệu làm thức ăn tinh; gắn phát triển vùng nguyên liệu với định hướng phát triển chăn nuôi đặc sản, chăn nuôi đại gia súc, đảm bảo cung cấp nguồn thức ăn chủ động và ổn định.

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác hiệu quả các loại cây thức ăn thô xanh, hướng dẫn kỹ thuật chế biến và bảo quản thức ăn như ủ chua, phối trộn,... sử dụng chế phẩm sinh học nhằm nâng cao giá trị dinh dưỡng và kéo dài thời gian bảo quản thức ăn cho chăn nuôi; khuyến khích trồng các giống cỏ, cây thức ăn có năng suất, chất lượng cao; tận dụng diện tích đất bãi, đất đồi, đất sau thu hoạch để trồng cỏ, ngô sinh khối, cây họ đậu làm thức ăn cho gia súc, giảm phụ thuộc vào thức ăn công nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở sản xuất thức ăn với người chăn nuôi, hợp tác xã, trang trại nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định, giá cả hợp lý.

2.3. Giải pháp về công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai

- Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Thú y, Luật Chăn nuôi; hướng dẫn phòng, chống các dịch bệnh của Trung ương, của tỉnh.

- Chủ động thực hiện các giải pháp kiểm soát phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, bệnh có nguy cơ lây sang người, bệnh mới, gây ảnh hưởng lớn đến đàn vật nuôi, đặc biệt trên vật nuôi chủ lực thông qua việc nâng cao tỷ lệ tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi.

- Kiện toàn hệ thống nhân viên chăn nuôi, thú y cơ sở để giám sát, khai báo và thông tin dịch bệnh kịp thời, bảo đảm yêu cầu phát hiện nhanh, xử lý triệt để các dịch bệnh nguy hiểm ở động vật; nâng cao hiệu quả kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ để hạn chế dịch bệnh phát sinh, lây lan.

- Xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, tiến tới xây dựng các mô hình chăn nuôi tuần hoàn không gây ô nhiễm môi trường; quan tâm xây dựng chuồng trại phù hợp với từng loại vật nuôi, đảm bảo mật độ, khoảng cách và bảo vệ môi trường. Có hệ thống xử lý chất thải, biogas, ủ phân, đệm lót sinh học, men vi sinh, hoá chất xử lý chất thải. Tăng cường thu gom chất thải rắn trong chăn nuôi để ép tách làm phân bón hữu cơ.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan khí tượng thủy văn để cập nhật, cảnh báo sớm thiên tai đến người chăn nuôi; đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn kỹ năng phòng, chống thiên tai, ứng phó khẩn cấp cho hộ chăn nuôi; hướng dẫn người dân xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai tại hộ gia đình.

- Không bố trí chăn nuôi tập trung tại khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất, ngập úng; khuyến khích phát triển chăn nuôi tại các khu vực cao ráo; bố trí chuồng trại cách xa sông, suối, khe lạch. Hướng dẫn người chăn nuôi gia cố, nâng cấp chuồng trại bảo đảm chắc chắn; nâng cao nền chuồng không để ngập úng; chủ động che chắn, chống rét, chống nóng cho vật nuôi; có khu vực dự phòng để di dời vật nuôi khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ động dự trữ thức ăn thô xanh, thức ăn tinh, phụ phẩm nông nghiệp trong mùa mưa bão, rét đậm, rét hại; hướng dẫn kỹ thuật ủ chua, phơi khô thức ăn để bảo đảm nguồn thức ăn lâu dài; bảo đảm đủ nước uống sạch, bổ sung vitamin, khoáng chất nhằm nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi.

- Khuyến khích sử dụng giống vật nuôi có khả năng thích nghi tốt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, chịu rét, chịu nóng, sức đề kháng cao; không tái đàn ô ạt sau thiên tai khi điều kiện môi trường, dịch bệnh chưa được kiểm soát.

- Thực hiện nghiêm công tác tiêm phòng định kỳ các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn vật nuôi; tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, nhất là sau mưa lũ, ngập úng; giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh; kịp thời phát hiện, xử lý ổ dịch, không để lây lan diện rộng; tổ chức xử lý xác động vật chết đúng quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Bố trí lực lượng hỗ trợ, cứu trợ, giúp người dân di dời, chăm sóc vật nuôi trong tình huống khẩn cấp; chuẩn bị đầy đủ vật tư, thuốc thú y, hóa chất sát trùng để sẵn sàng ứng phó khi thiên tai xảy ra; thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ khôi phục sản xuất chăn nuôi sau thiên tai theo quy định.

2.4. Giải pháp về định hướng xây dựng vùng chăn nuôi

- Phát triển vùng chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp, quy hoạch của tỉnh và điều kiện tự nhiên từng địa phương; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chuyên canh theo từng loại vật nuôi chủ lực (trâu, bò, lợn, gia cầm, dê, ...), bố trí vùng chăn nuôi xa khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, bảo đảm khoảng cách an toàn sinh học và vệ sinh môi trường; không phát triển chăn nuôi tại khu vực có nguy cơ cao về thiên tai, ô nhiễm môi trường. Bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở giết mổ tập trung, phục vụ cho việc di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

2.5. Giải pháp về chính sách, nguồn vốn

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách của trung ương và của tỉnh như: Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ sản xuất thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trong đó tập trung các chính sách hỗ trợ về đất đai, con giống, vật tư, thức ăn, cải tạo và xây dựng chuồng trại, khu giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ, nhằm tạo điều kiện tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư sản xuất, cải thiện sinh kế và mở rộng quy mô chăn nuôi.

- Ưu tiên lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án như: Các Chương trình mục tiêu quốc gia về: Xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP,... để hỗ trợ phát triển chăn nuôi tập trung hàng hóa và chăn nuôi các vật nuôi bản địa, đặc hữu.

2.6. Đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức

- Phối hợp với có quan chuyên môn cấp tỉnh tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ và nhân viên chăn nuôi, thú y cấp cơ sở về các văn bản của Nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác quản lý phát triển chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh tại địa phương; Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông. Đẩy mạnh hình thức liên kết đào tạo đội ngũ bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi thực hành và đào tạo nghề cho người chăn nuôi.

- Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, quản lý giống, chăm sóc, phòng trị bệnh, chế biến, bảo quản và marketing sản phẩm cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, các thành viên hợp tác xã và nông dân.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động người chăn nuôi thay đổi thói quen sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, nâng cao nhận thức về tư duy kinh tế thị trường, liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước bố trí hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình kế hoạch, dự án khác.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Các nguồn vốn huy động khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả công tác phát triển chăn nuôi năm 2026.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác công tác phát triển chăn nuôi trên địa bàn; báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định. Kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân xã tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

- Tăng cường chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác tiêm phòng, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật theo quy định của Luật Thú y. Chủ động cập nhật theo dõi diễn biến thời tiết để kịp thời hướng dẫn người chăn nuôi các biện pháp phòng chống nắng nóng, mưa lũ, đói rét cho đàn gia súc, gia cầm.

- Tổ chức cho các cơ sở và hộ chăn nuôi thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi theo Điều 54 Luật Chăn nuôi.

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng nội dung, mục đích, đúng chế độ tài chính theo quy định.

- Hướng dẫn các thôn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch có hiệu quả và đúng quy định; tổ chức giao ban định kỳ, đột xuất việc triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh.

2. Trạm Y tế: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công phối hợp với Phòng Kinh tế, tổ chức triển khai Luật An toàn thực phẩm; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến Kế hoạch này.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Dịch vụ công xã

- Chủ động xây dựng chuyên đề, phóng sự tuyên truyền về vai trò, lợi ích của công tác phát triển chăn nuôi; trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ vật nuôi trong phòng, chống dịch bệnh để người dân tích cực, chủ động thực hiện nhằm phát triển chăn nuôi hiệu quả, bền vững.

- Thường xuyên, kịp thời tổ chức tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, đảm bảo việc thông tin tuyên truyền chính xác, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch.

4. Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã: Chỉ đạo các lực lượng của ngành phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm gây ô nhiễm môi trường, có nguy cơ làm lây lan dịch bệnh; các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm không đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; các hoạt động vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh chết không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

5. Trưởng các thôn

- Chỉ đạo nhân dân triển khai thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi; kiểm tra đôn đốc và có giải pháp triển khai tiêm phòng, tập trung chỉ đạo, tổ chức tháng cao điểm thực hiện tiêm phòng vụ Xuân - Hè và vụ Thu - Đông và tiêm phòng bổ sung thường xuyên đảm bảo đạt tỷ lệ 80% số gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng được tiêm phòng; Tổ chức cho các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện đăng ký, kê khai ban đầu theo quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chỉ đạo các hộ thực hiện công tác tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại và môi trường chăn nuôi.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về chăn nuôi, thú y, chỉ đạo tổ chức kiểm tra hoạt động chăn nuôi, thú y; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về chăn nuôi, thú y theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tập trung tổ chức tuyên truyền sâu, rộng đến toàn thể nhân dân, để mọi người nhận thức rõ ý nghĩa, tác dụng của việc tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; cơ chế hỗ trợ tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh để chủ vật nuôi tự giác, chủ động chấp hành; thường xuyên giám sát, kiểm tra công tác tiêm phòng, phòng, chống dịch bệnh theo đúng quy định, chủ động tổ chức triển khai xử lý triệt để các ổ dịch phát sinh theo quy định.

- Tổ chức họp dân triển khai Kế hoạch, quán triệt thực hiện việc kê khai chăn nuôi, kế hoạch tiêm phòng, lịch tiêm phòng, trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc phòng, chống dịch bệnh cho động vật; các loại bệnh phải tiêm phòng bắt buộc và ký cam kết thực hiện tiêm phòng; tổ chức thực hiện tiêm phòng tại địa bàn theo kế hoạch; công khai kết quả tiêm phòng, chịu trách nhiệm về kết quả tiêm phòng trên phạm vi thôn. Thực hiện theo dõi, giám sát tình hình bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn. Tổ chức thực hiện công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng trong phạm vi địa bàn quản lý; trực tiếp tham gia công tác phòng, chống khi có

dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

6. Chủ vật nuôi:

- Thực hiện việc đăng ký, kê khai ban đầu với chính quyền địa phương theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BNNPTNT ngày 09/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*). Chấp hành tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định; chủ động việc thực hiện vệ sinh phòng bệnh cho đàn vật nuôi của gia đình; chấp hành thực hiện “5 Không” khi có dịch bệnh phát sinh và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định. Chủ động thực hiện việc khai báo dịch bệnh khi có gia súc, gia cầm nghi mắc bệnh, mắc bệnh với UBND xã.

- Chủ vật nuôi không chấp hành việc khai báo, tiêm phòng và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho vật nuôi theo quy định sẽ không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có dịch bệnh xảy ra theo quy định của Chính phủ và các quy định khác có liên quan, tùy theo mức độ vi phạm, gây ảnh hưởng đến cộng đồng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, nhân dân thực hiện tốt công tác tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm theo quy định.

8. Đề nghị Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực V

Chỉ đạo chuyên môn hướng dẫn cho lực lượng chuyên môn cấp xã, thôn trong công tác phòng chống dịch bệnh, phát triển chăn nuôi, tăng cường phối hợp trong công tác phòng chống dịch bệnh khi có dịch xảy ra trên địa bàn xã.

Căn cứ nội dung Kế hoạch đề nghị các phòng chuyên môn, đơn vị chuyên môn, Trưởng các thôn phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản;
- Trạm Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản khu vực V;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTổ quốc và các tổ chức CT -XH xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Trưởng 55 thôn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Quang Hùng